TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DS-ST
Ngày: 11 - 3 -2020
V/v tranh chấp "hợp đồng góp hụi và vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Miêng
2. Ông Phạm Văn Vũ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:04/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm: 1944; địa chỉ: 19/3 ấp QT, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm: 1968; địa chỉ: 76/3 ấp QT, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản không tiến hành hòa giải được, Đơn xin xét xử vắng mặt; các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

Vào năm 2013 bà Huỳnh Thị Y có tham gia 04 dây hụi, hụi có lãi, do bà làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ 1: loại hụi 300.000 đồng, mở hụi ngày 20/6/2013 âm lịch, có 16 hụi viên, gồm 16 phần, mỗi tháng khui hụi một lần, bà Y hốt hụi đầu và đã đóng hụi chết được 13 tháng, còn lại 03 tháng hụi chết bà Y chưa thanh toán cho bà với số tiền 900.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2: loại hụi 500.000 đồng, mở hụi ngày 25/7/2013 âm lịch, có 21 hụi viên, gồm 21phần, mỗi tháng khui hụi một lần, bà Y hốt hụi và đã đóng hụi chết được 12 tháng, còn lại 09 tháng hụi chết bà Y chưa thanh toán cho bà với số tiền 4.500.000 đồng.

- Dây hụi thứ 3: loại hụi 500.000 đồng, mở hụi ngày 10/3/2014 âm lịch, có 18 hụi viên, gồm 18 phần, mỗi tháng khui hụi một lần, bà Y hốt hụi và đã đóng hụi chết được 04 tháng, còn lại 14 tháng hụi chết bà Y chưa thanh toán cho bà với số tiền 7.000.000 đồng

- Dây hụi thứ 4: loại hụi 500.000 đồng, mở hụi ngày 15/11/2013 âm lịch, có 22 hụi viên, gồm 22 phần, mỗi tháng khui hụi một lần, bà Y hốt hụi và đã đóng hụi chết được 08 tháng, còn lại 14 tháng hụi chết bà Y chưa thanh toán cho bà với số tiền 7.000.000 đồng

Tổng số tiền hụi mà bà Y nợ bà là: 19.400.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 15/10/2013 bà Y còn vay của bà số tiền 10.000.000 đồng và hứa đến khi thu hoạch tôm sẽ trả tiền nhưng đến nay vẫn không trả.

Do bà Y không trả tiền cho bà nên bà có gửi đơn yêu cầu hòa giải tại Tổ hòa giải của ấp Quí Thế, xã Quới Điền, tại Biên bản hòa giải ngày 11/6/2015 bà Y có thừa nhận có nợ bà tổng số tiền 29.400.000 đồng gồm: 10.000.000 đồng tiền vay và 19.400.000 đồng tiền hụi. Bà Y có hứa hẹn đến cuối năm 2016 sẽ trả tất cả các khoản nợ nêu trên nhưng cho đến nay bà Y không thực hiện.

Nay bà yêu cầu bà Y phải có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền 29.400.000 đồng gồm: 10.000.000 đồng tiền vay và 19.400.000 đồng tiền hụi, bà không yêu cầu tính lãi. Do chỉ có bà Y tham gia hụi và vay tiền của bà nên bà không yêu cầu chồng bà Y phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Y trả tiền cho bà.

Toàn bộ quá trình tố tụng bị đơn bà Huỳnh Thị Y đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn bà Phan Thị N thực hiện quyền và nghĩa vụ chưa đầy đủ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Y thực hiện quyền và nghĩa vụ chưa đầy đủ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: bà N khởi kiện yêu cầu bà Y trả tổng số tiền 29.400.000 đồng gồm: 10.000.000 đồng tiền vay và 19.400.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu tính

lãi. Tài liệu chứng cứ mà bà N cung cấp là bản chính Biên bản hòa giải ngày 11/6/2015 có chữ ký của bà Y nên được xem là chứng cứ làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà N. Nội dung biên bản hòa giải bà Y thừa nhận còn nợ bà N số tiền vay và hụi là 29.400.000 đồng, bà Y hứa hẹn tháng 11/2015 âm lịch trả cho bà N ít nhất 7.000.000 đồng, số tiền còn lại cuối năm 2016 sẽ trả dứt. Tuy nhiên từ khi cam kết trả nợ đến nay, bà Y không trả tiền cho bà N nên bà N khởi kiện yêu cầu bà Y phải trả số tiền hụi và vay tổng cộng là 29.400.000 đồng là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án Y được tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng nhiều lần vắng mặt không có lý do, không có văn bản nêu ý kiến của mình là tự từ bỏ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, cần buộc bà Y có nghĩa vụ trả nợ cho bà N là phù hợp. Bà N không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ nên không xem xét

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng các Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 471, 474, 479 Bộ Luật Dân sự năm 2005, Nghị định 114/2006 /NĐ – CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N. Buộc bà Huỳnh Thị Y trả cho bà Phan Thị N số tiền 29.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về "hợp đồng góp hụi và vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn bà Huỳnh Thị Y cư trú tại 76/3 ấp Quí Thế, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn bà Phan Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Huỳnh Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.Vì vậy căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, bà Y.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn bà Phan Thị N yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Y có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 19.400.000 đồng và nợ vay 10.000.000 đồng, tổng cộng là 29.400.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ mà bà N cung cấp cho Tòa án, là bản chính Biên bản hòa giải ngày 11/06/2015 có chữ ký của bà Y.

Hội đồng xét xử thấy rằng tuy bị đơn bà Huỳnh Thị Y vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn bà Phan Thị N giao nộp cho Tòa án, là đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Đồng thời căn cứ vào kết quả xác minh đối với ông Nguyễn Văn Tuấn – chức vụ: Trưởng ấp Quí Thế, xã Quới Điền là người chủ trì việc hòa giải tranh chấp tiền hụi và tiền vay giữa bà N và bà Y (thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 12/02/2020) , vì vậy căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng Dân sự Tòa án công nhận biên nhận mà nguyên đơn bà Phan Thị N đã giao nộp cho Tòa án là có thật và là chứng cứ làm cơ sở xác định giữa nguyên đơn bà Phan Thị N và bị đơn bà Huỳnh Thị Y đã xác lập và thực hiệp hợp đồng góp hụi và vay tài sản theo quy định tại Điều 471và Điều 479 Bộ Luật Dân sự năm 2005.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo nội dung biên bản hòa giải ngày 11/6/2015 bà Y thừa nhận còn nợ bà N số tiền vay và hụi là 29.400.000 đồng, bà Y hứa hẹn tháng 11/2015 âm lịch trả cho bà N ít nhất 7.000.000 đồng, số tiền còn lại cuối năm 2016 sẽ trả dứt. Tuy nhiên từ khi cam kết trả nợ đến nay, bà Y không trả tiền cho bà N nên bà N khởi kiện yêu cầu bà Y phải trả số tiền hụi và vay tổng cộng là 29.400.000 đồng là có cơ sở.

Việc bà Y không đã tiền cho bà N theo đúng cam kết là vi phạm về thời hạn trả nợ làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bà N. Do đó, cần buộc bà Y có nghĩa vụ trả nợ cho bà N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Bà N không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của chồng bà Y nên không xem xét.

[5] Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 471, 474, 479 Bộ Luật Dân sự năm 2005, Nghị định 114/2006 /NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Y. Buộc bà Huỳnh Thị Y trả cho bà Phan Thị N số tiền 29.400.000

đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Huỳnh Thị Y phải nộp 1.470.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Cẩm Nhung